

Ngày soạn: 20/ 10/2024

Ngày dạy: 20/10→ 9/11/2024

BÀI 11: OXIDE

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.
- Viết được phương trình hóa học tạo oxide từ kim loại/ phi kim với oxygen.
- Phân loại được oxide theo khả năng phản ứng với acid/ base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).
- Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid, oxide phi kim phản ứng với base, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hóa học) và rút ra nhận xét về tính chất hóa học của oxide.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:* Chủ động, tích cực tìm hiểu bài.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Sử dụng ngôn ngữ khoa học để mô tả các khái niệm, hiện tượng. Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Năng lực khoa học tự nhiên:

- *Nhận thức khoa học tự nhiên:* Nêu được được khái niệm oxide và phân loại được oxide theo khả năng phản ứng với acid/base; viết được phương trình hóa học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.
- *Tìm hiểu tự nhiên:* Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm và rút ra nhận xét về tính chất hóa học của oxide.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức về oxide để giải thích các hiện tượng hóa học, các ứng dụng trong thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
- Cẩn thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong bài học.
- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT KHTN 8.
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học, phiếu học tập số 1, 2, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm cần dùng trong bài học.
- Máy chiếu, bảng nhóm.

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT KHTN 8.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, kích thích sự tò mò của HS tìm hiểu nội dung kiến thức mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề, HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời được câu hỏi theo ý kiến cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS quan sát các hình 11.1, 11.2, 11.3 SGK.



Hình 11.1. Thạch anh



Hình 11.2. Đá khô



Hình 11.3. Hồng ngọc (đá ruby)

- GV nêu vấn đề:

Các em hãy nêu hiểu biết của mình về thành phần và ứng dụng của các loại đá trong hình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ, thảo luận trả lời câu hỏi phần khởi động.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đưa ra những nhận định ban đầu.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV đánh giá câu trả lời của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học: *Thạch anh, đá khô, hồng ngọc đều do oxide tạo nên. Vậy oxide là gì? Oxide có những tính chất hóa học như thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu điều đó trong bài học hôm nay – Bài 11:*

Oxide

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm oxide

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được khái niệm oxide, viết được phương trình hóa học của phản ứng tạo thành oxide từ các đơn chất.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, suy nghĩ khái niệm oxide, thảo luận về nội dung Câu hỏi 1, Luyện tập 1 trang 59 SGK.

c. Sản phẩm học tập: HS phát biểu khái niệm oxide; nêu được câu trả lời của Câu hỏi 1, Luyện tập 1 trang 59 SGK.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu vấn đề: Khi đốt nóng, nhiều kim loại và phi kim tác dụng với oxygen tạo ra oxide. Ví dụ, Al ở dạng bột sẽ cháy tạo ra Al_2O_3 và tỏa nhiều nhiệt. - GV yêu cầu: Em hãy lập sơ đồ phản ứng và hoàn thành phương trình hóa học của phản ứng Al với O_2 để tạo ra Al_2O_3. ($4Al + 3O_2 \xrightarrow{t^o} 2Al_2O_3$) - GV nêu: Từ lâu, con người đã biết đốt cháy than để phục vụ cho đời sống và sản xuất. Khi đốt C cháy tỏa ra nhiều nhiệt và tạo ra CO_2. - GV yêu cầu: Em hãy lập sơ đồ phản ứng và hoàn thành phương trình hóa học của phản ứng. ($C + O_2 \xrightarrow{t^o} CO_2$) - GV dẫn dắt HS nêu khái niệm base. - GV yêu cầu HS trả lời Câu hỏi 1: <i>Trong các chất sau đây, chất nào là oxide: Na_2SO_4, P_2O_5, $CaCO_3$, SO_2?</i> - GV yêu cầu HS trả lời Luyện tập 1: <i>Viết các phương trình hóa học của các phản ứng xảy ra giữa oxygen và các đơn chất để tạo ra các oxide sau: SO_2, CuO, CO_2, Na_2O.</i>	I. Khái niệm oxide Oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác. Trả lời Câu hỏi 1: Các chất là oxide: P_2O_5, SO_2. Trả lời Luyện tập 1: $S + O_2 \rightarrow SO_2$ $2Cu + O_2 \rightarrow 2CuO$ $C + O_2 \rightarrow CO_2$ $4Na + O_2 \rightarrow 2Na_2O$

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc mục I SGK, suy nghĩ nêu khái niệm oxide, thảo luận phần Câu hỏi 1 và Luyện tập 1. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS nêu khái niệm oxide, câu trả lời của Câu hỏi 1 và Luyện tập 1. - GV mời đại diện HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức về khái niệm oxide.	
---	--

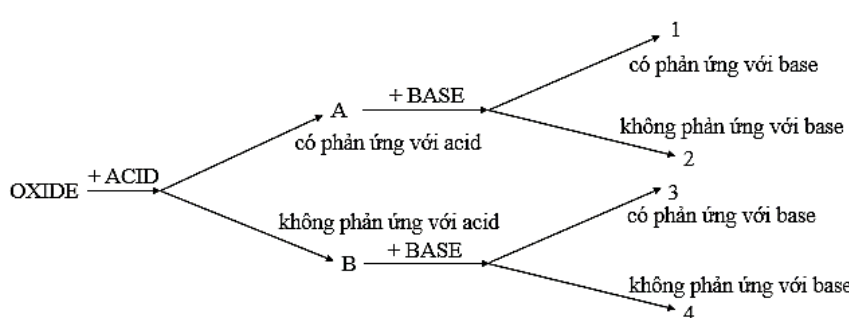
Hoạt động 2: Tìm hiểu sự phân loại oxide

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được nguyên tắc phân loại oxide, nêu được 4 loại oxide.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, thảo luận, phân loại oxide, thảo luận và trả lời Câu hỏi 2.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu được oxide được chia làm 4 loại, nêu được câu trả lời phần Câu hỏi 2.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu: Dựa vào khả năng phản ứng với acid, base các oxide được phân loại như sau:  <pre> graph LR OXIDE -- "+ ACID" --> A["A có phản ứng với acid"] OXIDE -- "+ ACID" --> B["B không phản ứng với acid"] A -- "+ BASE" --> 1["1 có phản ứng với base"] A -- "+ BASE" --> 2["2 không phản ứng với base"] B -- "+ BASE" --> 3["3 có phản ứng với base"] B -- "+ BASE" --> 4["4 không phản ứng với base"] </pre> - GV yêu cầu HS thảo luận, trả lời các câu hỏi: Các oxide được chia thành mấy nhóm? Đặc điểm của mỗi nhóm 1, 2, 3, 4 là gì? (Oxide được chia thành 4 nhóm. Đặc điểm của mỗi nhóm: 1 – oxide phản ứng được với cả acid và base, 2 – oxide phản ứng được với acid, 3 – oxide phản ứng được với base, 4 – oxide không phản ứng với acid, cũng không phản ứng với base) - GV yêu cầu HS trả lời Câu hỏi 2 SGK trang 60:	II. Phân loại oxide Dựa vào khả năng phản ứng với acid và base, oxide được phân thành bốn loại như sau: - <i>Oxide base</i> là những oxide tác dụng được với dung dịch acid tạo thành muối và nước. Đa số các oxide kim loại là oxide base như: CuO, CaO, MgO,... - <i>Oxide acid</i> là những oxide tác dụng được với dung dịch base tạo thành muối và nước. Các oxide acid thường là oxide của các phi kim như: CO₂, SO₂, SO₃, P₂O₅,... - <i>Oxide lưỡng tính</i> là những oxide tác dụng được với dung dịch acid và dung dịch base

<i>Các oxide sau đây thuộc những loại oxide nào (oxide base, oxide acid, oxide lưỡng tính, oxide trung tính): Na_2O, Al_2O_3, SO_3, N_2O.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc mục II, trao đổi thảo luận cách phân loại oxide và Câu hỏi 2. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày cách phân loại oxide; kết quả Câu hỏi 2. - GV mời đại diện nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức về phân loại oxide.	tạo thành muối và nước. Một số oxide lưỡng tính thường gặp như: Al_2O_3, ZnO,... - <i>Oxide trung tính</i> là những oxide không tác dụng với dung dịch acid và dung dịch base. Một số oxide trung tính như: CO, NO, N_2O,... Trả lời Câu hỏi 2: - Oxide base: Na_2O. - Oxide acid: SO_3. - Oxide lưỡng tính: Al_2O_3. - Oxide trung tính: N_2O.
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu tính chất hóa học của oxide

Hoạt động 3.1: Tìm hiểu tác dụng của oxide base với dung dịch acid

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được oxide base tác dụng với dung dịch acid tạo ra muối và nước, viết được phương trình hóa học minh họa.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, tiến hành thí nghiệm 1, hoàn thành phiếu học tập số 1, thảo luận và trả lời Luyện tập 2.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu kết quả thực hành thí nghiệm 1, câu trả lời phiếu học tập số 1, câu trả lời phần Luyện tập 2.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS tạo nhóm, phát cho các nhóm bộ dụng cụ và hóa chất, phiếu học tập số 1. - GV hướng dẫn HS cách tiến hành thí nghiệm 1; yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm 1 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 1. (Phiếu học tập số 1 ở dưới hoạt động 3.1). - GV yêu cầu thảo luận trả lời Luyện tập 2 SGK trang 60: <i>Viết phương trình hóa học của phản ứng giữa các cặp chất sau:</i> a) H_2SO_4 với MgO.	III. Tính chất hóa học của oxide 1. Oxide base tác dụng với dung dịch acid Trả lời Phiếu học tập số 1: 1. Hiện tượng: CuO tan dần, thu được dung dịch có màu xanh lam. 2. Dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hóa học xảy ra: có chất mới tạo thành (CuO tan, dung dịch chuyển sang màu xanh) có tính chất khác với chất tham gia. 3. $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$. 4. Oxide base tác dụng với dung dịch acid tạo ra muối và nước. Trả lời Luyện tập 2:

b) H_2SO_4 với CuO. c) HCl với Fe_2O_3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện thí nghiệm 1, trao đổi thảo luận phiếu học tập số 1 và câu hỏi Luyện tập 2. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Đại diện HS trình bày kết quả thực hiện thí nghiệm 1; kết quả trao đổi câu hỏi trong phiếu học tập số 1, kết quả Luyện tập 2. - GV mời đại diện nhóm khác khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức về tác dụng của oxide base với dung dịch acid.	a) $H_2SO_4 + MgO \rightarrow MgSO_4 + H_2O$ b) $H_2SO_4 + CuO \rightarrow CuSO_4 + H_2O$ c) $6HCl + Fe_2O_3 \rightarrow 2FeCl_3 + 3H_2O$
---	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Thực hiện thí nghiệm 1: <i>Chuẩn bị:</i> - Dụng cụ: ống nghiệm, giá đỡ ống nghiệm, thìa thủy tinh, ống hút nhỏ giọt. - Hóa chất: CuO, dung dịch HCl loãng. <i>Tiến hành:</i> - Lấy một lượng nhỏ CuO cho vào ống nghiệm, cho tiếp vào ống nghiệm khoảng 1 – 2 ml dung dịch HCl, lắc nhẹ. Thảo luận trả lời câu hỏi: 1. Mô tả các hiện tượng xảy ra. 2. Dấu hiệu nào chứng tỏ có xảy ra phản ứng hóa học giữa CuO và dung dịch HCl? 3. Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra trong thí nghiệm. 	

.....

.....

4. Nêu kết luận về tác dụng của oxide base với dung dịch acid.

.....

.....

.....

Hoạt động 3.2: Tìm hiểu tác dụng của oxide acid với dung dịch base

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS nêu được oxide acid tác dụng với dung dịch base tạo ra muối và nước, viết được phương trình hóa học minh họa.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SGK, tiến hành thí nghiệm 2, hoàn thành phiếu học tập số 2, thảo luận và trả lời Luyện tập 3.

c. Sản phẩm học tập: HS nêu kết quả thực hành thí nghiệm 2, câu trả lời phiếu học tập số 2, câu trả lời phần Luyện tập 3.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN - HỌC SINH	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS tạo nhóm, phát cho các nhóm bộ dụng cụ và hóa chất, phiếu học tập số 2. - GV hướng dẫn HS cách tiến hành thí nghiệm 2; yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm 2 và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập số 2. (Phiếu học tập số 2 ở dưới hoạt động 3.2). - GV yêu cầu HS thảo luận trả lời Luyện tập 3 SGK trang 61. <i>Viết các phương trình hóa học của phản ứng xảy ra khi cho dung dịch KOH phản ứng với các chất sau: SO_2, CO_2, SO_3.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện thí nghiệm 2 trao đổi thảo luận phiếu học tập số 2 và câu hỏi Luyện tập 3. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	III. Tính chất hóa học 2. Tác dụng với acid Trả lời Phiếu học tập số 2: 1. - Hiện tượng: Xuất hiện kết tủa màu trắng. - Giải thích: CO_2 đã tác dụng với $Ca(OH)_2$ để tạo kết tủa $CaCO_3$. 2. $CO_2 + Ca(OH)_2 \rightarrow CaCO_3 \downarrow + H_2O.$ 3. Oxide acid tác dụng với dung dịch base tạo thành muối và nước. Trả lời Luyện tập 3: $2KOH + SO_2 \rightarrow K_2SO_3 + H_2O$ $2KOH + CO_2 \rightarrow K_2CO_3 + H_2O$ $2KOH + SO_3 \rightarrow K_2SO_4 + H_2O$

- Đại diện HS trình bày kết quả thực hiện thí nghiệm 2; kết quả trao đổi câu hỏi trong phiếu học tập số 2 kết quả Luyện tập 3. - GV mời đại diện nhóm khác khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức về tác dụng của oxide acid đối với dung dịch base.	
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
Thực hiện thí nghiệm 2: <i>Chuẩn bị:</i> - Dụng cụ: bình tam giác (loại 100 ml), ống thủy tinh, ống nối cao su. - Hóa chất: dung dịch nước vôi trong, CO₂ (được điều chế từ bình tạo khí CO₂). <i>Tiến hành:</i> - Cho vào bình tam giác khoảng 30 ml nước vôi trong, dẫn khí CO₂ từ từ vào dung dịch, khi dung dịch vẩn đục thì dừng lại. Thảo luận trả lời câu hỏi: 1. Mô tả các hiện tượng xảy ra. Giải thích 2. Viết phương trình hóa học của phản ứng xảy ra trong thí nghiệm. 3. Nêu kết luận về tác dụng của oxide acid với dung dịch base. 	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS hoàn thành được bài tập trắc nghiệm

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Khoanh tròn vào câu đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Oxide được chia thành

- A. Oxide acid và oxide base.
- B. Oxide acid, oxide base và oxide lưỡng tính.
- C. Oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính và oxide trung tính.
- D. Oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính và oxide trung hòa.

Câu 2: Oxide bắt buộc phải có nguyên tố

- A. Halogen
- B. Hydrogen
- C. Sulfur
- D. Oxygen

Câu 3: Hợp chất nào sau đây **không** phải oxide?

- A. CO_2
- B. SO_2
- C. CuO
- D. CuS

Câu 4: Chất nào sau đây là oxide acid?

- A. Na_2O
- B. CO_2
- C. Al_2O_3
- D. CO

Câu 5: Chất nào sau đây là oxide?

- A. P_2O_5
- B. BaSO_4
- C. NaOH
- D. HCl

Câu 6: Oxide acid có tính chất

- A. Tác dụng với dung dịch kiềm tạo thành muối và nước.
- B. Tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước

C. Vừa tác dụng được với dung dịch acid, vừa tác dụng được với dung dịch base tạo thành muối và nước

D. Không tác dụng với dung dịch acid, dung dịch base.

Câu 7: Oxide base có tính chất

A. Tác dụng với dung dịch kiềm tạo thành muối và nước.

B. Tác dụng với dung dịch acid tạo thành muối và nước

C. Vừa tác dụng được với dung dịch acid, vừa tác dụng được với dung dịch base tạo thành muối và nước

D. Không tác dụng với dung dịch acid, dung dịch base.

Câu 8: Chất nào sau đây là oxide trung tính?

A. Na_2O

B. CO_2

C. Al_2O_3

D. CO

Câu 9: Chất nào sau đây là oxide lưỡng tính?

A. Na_2O

B. CO_2

C. Al_2O_3

D. CO

Câu 10: Chất nào sau đây là oxide base?

A. Na_2O

B. CO_2

C. Al_2O_3

D. CO

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận, thực hiện làm bài tập trắc nghiệm theo yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:

- Mỗi một câu GV mời HS trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài trên bảng.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

- GV chuẩn kiến thức:

+ Oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.

+ Oxide được chia làm bốn loại: oxide base, oxide acid, oxide lưỡng tính và oxide trung tính.

+ Oxide base tác dụng với dung dịch acid tạo ra muối và nước.

+ Oxide acid tác dụng với dung dịch base tạo ra muối và nước

Đáp án bài tập trắc nghiệm

1. C	2. D	3. D	4. B	5. A	6. A	7. B	8. D	9. C	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, liên hệ thực tế, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi mà GV giao.

c. Sản phẩm học tập: HS giải được câu hỏi GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau:

Hãy chỉ ra oxide acid trong các chất sau: SO_2 , SO_3 , CaO , P_2O_5 , N_2O , CO , Al_2O_3 , CuO , CO_2

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ trả lời, có thể thảo luận nhóm đôi, kiểm tra chéo đáp án.

- HS hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ, hướng dẫn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Mỗi bài tập GV mời HS trình bày, các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài trên bảng.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các bạn HS trả lời nhanh và chính xác.

- GV chú ý cho HS các lỗi sai mắc phải.

Đáp án:

Các oxide acid là: CO_2 , SO_2 , SO_3 , P_2O_5 .

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong SBT KHTN 8.

- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 12: Muối*.